

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T.N
TỈNH P.T
Bản án số 15 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 8/ 8/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
===== * & * =====

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN TỈNH P.T.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Đình Quang
- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lưu Quang Ngọc
2- Ông Bùi Thanh Tâm
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Khanh - Cán bộ Toà án.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T. N tham gia phiên toà:

Bà Phạm Thị Thuỳ Linh– Kiểm sát viên

Trong ngày 8 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T. N, tỉnh P. T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TL - ST ngày 22 tháng 04 năm 2019 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48 /2019 /QĐST-HNGĐ, ngày 25 / 7 /2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q - sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 1, xã V. T, huyện T. N, tỉnh P. T (Có mặt)

+ Bị đơn: anh Vũ Xuân T - sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 1, xã V. T, huyện T. N, tỉnh P. T (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12/04/2019 và các lời khai tại toà án chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Vũ Xuân T đăng ký kết hôn ngày 23/7/ 2010 tại UBND xã V. T, huyện T. N, tỉnh P. T. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống chị Q cho rằng vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống, anh T thường xuyên uống rượu súc phạm chửi bới, đánh đập chị nên chị không chịu nổi phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ (ở xã Cao Mại, huyện Lâm Thao) sinh sống từ tháng 1/2019 từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

sống với nhau không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục sống sẽ làm đau khổ cho cả hai bên nên chị Q đề nghị xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thuỷ T; sinh ngày 15/03/2011 và cháu Vũ Kim A, sinh ngày 6/6/2012 hiện nay 2 cháu đang ở với anh nếu có sự ly hôn thì chị Q xin được nuôi 2 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung .

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; chị Q khai không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

* Phía bị đơn anh Vũ Xuân T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2010 tại UBND xã V.T, huyện T. N, tỉnh P. T. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện không bị ép buộc. Trong cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc nên đã có 2 con chung. Nay chị Q có đơn xin ly hôn ban đầu mong muốn của anh là vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng cho đến nay chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thuỷ T; sinh ngày 15/03/2011 và cháu Vũ Kim A, sinh ngày 6/6/2012 hiện nay 2 cháu đang ở với anh, nếu có sự ly hôn thì anh T xin được nuôi 2 con chung và yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; anh T khai không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Xuân T có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2010 tại UBND xã V. T, huyện T. N, tỉnh P. T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng vui vẻ hoà thuận hạnh phúc nên có 02 con chung. Nay chị Q xin ly hôn anh T với lý do những năm gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống hai bên thiếu tôn trọng nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống, anh T đối xử với chị không tế nhị đã nhiều lần xúc phạm, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà, hai bên không còn trách nhiệm gì với nhau nữa vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2019 đến nay. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T.

Phía anh T cho rằng mặc dù vợ chồng chung sống có va chạm, đôi khi có những lời lẽ xúc phạm nhau nhưng vì vợ chồng đã có con chung nên mong muốn của anh là vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con chung còn nếu chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T đã rạn nứt khó hàn gắn được, bản thân cả hai bên đã không tự xác định được nên những lá đơn xin ly hôn ban đầu cả 2 bên đề nghị chính quyền địa phương giải quyết. Sau khi chị Q có đơn xin ly hôn tại Toà án anh T trình bày nếu chị Q kiên quyết xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí chứng tỏ phía anh T cũng không còn niềm tin vào hạnh phúc của mình, mặt khác anh không có biện pháp tích cực nào để cải thiện lại mối quan hệ vợ chồng. Qua xác minh tại UBND xã V. T, huyện T. N cho rằng khả năng đoàn tụ giữa chị Q và anh T là khó. Nguyên vọng của chị Q xin ly hôn anh T vì tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả 2 bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy chị Q xin được ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình qui định. Nên cần xử cho chị Q được ly hôn anh T là phù hợp.

[2] Về con chung; chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Thuỷ T; sinh ngày 15/03/2011 và cháu Vũ Kim A, sinh ngày 6/6/2012 hiện nay 2 cháu đang ở với anh, nếu có sự ly hôn thì chị Q, anh T đều đề nghị xin được nuôi 2 con chung, chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung còn anh T thì đề nghị chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về điều kiện chăm sóc con chung của anh chị thấy rằng: chị Q có thu nhập ổn định, qua xác minh tại UBND xã V. T thì UBND xã cũng có quan điểm giao hai con chung cho chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc, tuy nhiên hiện nay cháu T và cháu A đang ở với anh T và mẹ đẻ anh T (là bà Dương Thị V) bà V và anh T đều có đề nghị được nuôi hai con chung và đề nghị này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Vì vậy để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cả bố và mẹ đối với các con chung cũng như dựa vào nguyện vọng của hai bên đương sự, nguyện vọng của các con chung và hạn chế thay đổi sáo trộn cuộc sống của các cháu vì vậy cần giao cháu Vũ Thuỷ T; sinh ngày 15/03/2011 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T khôn lớn thành niên và Giao cháu Vũ Kim A, sinh ngày 6/6/2012 cho anh Vũ Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A khôn lớn thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm gặp con chung không bên nào được cản trở là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung; Công nợ; Công sức chi Q và anh T đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay quan điểm của Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc áp dụng pháp luật, tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng cũng như người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: □p dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử cho Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Xuân T;

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thuỷ T; sinh ngày 15/03/2011 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T khôn lớn thành niên và Giao cháu Vũ Kim A, sinh ngày 6/6/2012 cho anh Vũ Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A khôn lớn thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức không có không đề nghị giải quyết

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử cho Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Xuân T

[2] Về con chung: Giao cháu Vũ Thuỷ T; sinh ngày 15/03/2011 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T khôn lớn thành niên và Giao cháu Vũ Kim A, sinh ngày 6/6/2012 cho anh Vũ Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A khôn lớn thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng

nuôi con chung và được quyền đi lại thăm gặp con chung không bên nào được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/ 0003592 ngày 22/04/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. N, tỉnh P. T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh
- THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS-VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Đình Quang